

Số: /GPMT-SNNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật thủ đô;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật số 146/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 26/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định số 551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026 của Trung tâm phục vụ hành chính công về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khí tượng thủy văn; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội: số 1719/QĐ-SNNMT ngày 02/07/2026 ban hành Quy chế làm việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 135/QĐ-SNNMT ngày 14/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các Phòng và tương đương thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc phân công công tác giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội; Quyết định số 1347/QĐ-SNNMT ngày 04/6/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc sửa đổi khoản 1, Điều 2 Quyết định số 479/QĐ-SNNMT ngày 03/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về phân công công tác giữa Giám đốc Sở và các Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội;

Xét Văn bản số 230/CTN-KHKT ngày 07/05/2026 của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của “Trạm cấp nước Cơ sở 1 – Nguyễn Trãi” và Văn bản số 382/CTN-KHKT ngày 24/7/2026 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông, địa chỉ trụ sở chính: số 2A phố Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trạm cấp nước cơ sở 1 – Nguyễn Trãi tại số 2A phố Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Trạm cấp nước cơ sở 1 – Nguyễn Trãi.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 2A phố Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500237984 do Phòng Đăng ký doanh nghiệp và Tài chính doanh nghiệp – Sở Tài chính Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 06/8/2010, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 24/7/2025.

1.4. Mã số thuế: 0500237984.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở sản xuất, kinh doanh nước sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Diện tích sử dụng đất 5.483,5m² trong đó diện tích đất xây dựng công trình (các công trình khu nhà hành chính 04 tầng, khu nhà làm việc 03 và 02 tầng, khu nhà văn phòng,...) khoảng 1.616m²; diện tích đất hạ tầng kỹ thuật (cụm bể lắng đứng, tháp làm thoáng; cụm bể lắng Lamén; cụm bể lọc xử lý nước sạch; bể chứa nước sạch; nhà trạm bơm cấp 2; bể lắng xử lý nước rửa lọc; bể chứa nước 400m³; khu vực máy ép bùn,...) khoảng 1.403m²; diện tích đất giao thông nội bộ, sân đường, cây xanh khoảng 2.464,5m².

- Công suất khai thác nước ngầm: 10 giếng khoan với tổng lưu lượng khai thác từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 14/6/2027 là 17.000 m³/ngày (*Theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 175/GP-BTNMT ngày 11/8/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*).

- Công suất cấp nước sạch của Cơ sở: 17.000 m³/ngày đêm.

- Quy trình xử lý nước cấp: Nước ngầm từ trạm bơm giếng khoan → Giàn mưa/Tháp làm thoáng → Bể lắng đứng/Bể lắng Lamén → Bể lọc → Bể chứa nước sạch (khử trùng) → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới phân phối.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025 và số thứ tự 10 Mục IV Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm

(kể từ ngày cấp phép đến hết ngày tháng năm 2036).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND phường Hà Đông, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c) ;
- PGĐ Sở Nguyễn Minh Tấn;
- Phòng Quản lý môi trường;
- Văn phòng Sở (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở);
- Trung tâm PV HCC thành phố Hà Nội;
- UBND phường Hà Đông;
- Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông;
- Lưu: VT, HS;

MHS H26.103-260514-101258

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Tấn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở (nước thải xí nghiệp, nước thoát sàn và chậu rửa).
- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa lọc cụm bể lọc của hệ thống xử lý nước dưới đất.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 02 dòng nước thải.

- Dòng nước thải số 01 (nguồn số 01): nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4 m³/ngày đêm.
- Dòng nước thải số 02 (nguồn số 02 và nguồn số 03): nước thải sau hệ thống xử lý nước thải rửa lọc.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước chung khu vực tại đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông.

2.2. Vị trí xả nước thải: 02 điểm xả (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, vĩ độ 21⁰)

- Tọa độ vị trí xả thải số 01 của dòng thải số 01: X = 2 320 118; Y = 580 835
- Tọa độ vị trí xả thải số 02 của dòng thải số 02: X = 2 320 119; Y = 580 836

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 224 m³/ngày đêm. Trong đó:

- Lưu lượng dòng nước thải số 01: 4 m³/ngày đêm.
- Lưu lượng dòng nước thải số 02: 220 m³/ngày đêm.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Tự chảy
- Dòng thải số 02: Bơm cưỡng bức.

2.5. Chế độ xả nước thải:

- Dòng thải số 01: Liên tục.
- Dòng thải số 02: Liên tục.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định, cụ thể như sau:

2.6.1. Dòng nước thải số 01 (nguồn thải số 01): Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn môi trường theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B, K = 1,2 (áp dụng cơ sở sản xuất có quy mô dưới 500 người), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng (*)	Không thuộc đối tượng (*)
2	pH	-	5 - 9		
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12		
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	6.000		

(*) Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Chủ cơ sở phải có phương án, lộ trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường tại QCVN 14:2025/BTNMT (cột B, Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

2.6.2. Dòng nước thải số 02 (nguồn thải số 02 và số 03): Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn môi trường theo QCTĐHN 02:2014/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, cột B, $C_{\max} = C$ (áp dụng nước thải xả vào hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung). Giá trị tối đa cho phép các thông số ô nhiễm trong nước thải được thể hiện trong bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	-	-	Không thuộc đối tượng ^(*)	Không thuộc đối tượng ^(*)
2	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	40		
3	pH	-	5,5-9		
4	Độ màu	Pt/Co	150		
5	BOD ₅	mg/l	50		
6	COD	mg/l	150		
7	TSS	mg/l	100		
8	Mn	mg/l	1		
9	Fe	mg/l	5		
10	As	mg/l	0,1		
11	Hg	mg/l	0,01		
12	Pb	mg/l	0,5		
13	Cd	mg/l	0,1		
14	Ni	mg/l	0,5		
15	Zn	mg/l	3		
16	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6		
17	Tổng Nitơ	mg/l	40		
18	Coliform	vi khuẩn/100ml	5.000		

^(*) Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Chủ cơ sở phải có phương án, lộ trình nâng cấp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải rửa lọc sau khi được xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường tại QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp cột B, ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

Cơ sở bố trí hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung:

** Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở.*

- Nước thải xí, tiểu từ khu vực nhà vệ sinh → 01 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 9 m³/bể) → uPVC D90 → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 4 m³/ngày.đêm.

- Nước thoát sàn và chậu rửa sau tách rác → 01 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 9 m³/bể) → uPVC D90 → hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 4 m³/ngày.đêm.

Thoát nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4 m³/ngày đêm xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn theo ống uPVC D90 tự chảy ra hố ga. Sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Trãi phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

** Nguồn số 2: Nước thải sản xuất (nước thải rửa lọc).*

- Nước thải rửa lọc → Bể chứa 400 m³ → uPVC D160 → hệ thống xử lý nước thải sản xuất (bể lắng thể tích 150m³ châm polyme A110).

- Nước thải từ máy ép bùn → Ống thu D160 → Bể chứa 400 m³ → uPVC D160 → Hệ thống xử lý nước thải sản xuất (bể lắng thể tích 150m³ châm polyme A110).

- Thoát nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất (bể lắng thể tích 150m³ châm polyme A110) xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn được bơm cưỡng bức theo ống uPVC D160 ra hố ga. Sau đó tự chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Trãi phường Hà Đông, thành phố Hà Nội. Lưu lượng bơm xả thải được điều chỉnh bằng bộ biến tần (VFD) tích hợp trên bơm xả thải để kiểm soát lưu lượng theo yêu cầu xả thải thực tế của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

a. Bể tự hoại 03 ngăn:

- 01 bể tự hoại 3 ngăn, thể tích 9 m³/bể, đặt ngầm tại nhà hành chính.

b) Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 4 m³/ngày đêm.

- Nước thải (nước thải xí tiểu và nước thải thoát sàn chậu rửa sau khi được xử lý sơ bộ) → Bể gom điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hóa chất sử dụng: viên nén Clo.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất:

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất tại cơ sở là Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất thể tích 150m³.

Nước thải rửa lọc phát sinh từ cụm bể lọc trong dây chuyền xử lý nước sạch của cơ sở và nước thải từ quá trình ép bùn → Bể chứa nước rửa lọc 400 m³ → Bể lắng xử lý nước thải sản xuất 150m³ (châm Polymer A110) (14 mẻ/ngày, mỗi mẻ xử lý trong khoảng 85-90 phút, mỗi mẻ 40m³ nước thải) → Bể chứa nước sau xử lý thể tích 10,8 m³ khoảng 60-88% được bơm tuần hoàn về cụm bể lọc phục vụ sản xuất nước sạch, khoảng 12-40% còn lại được bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Trãi, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Hóa chất sử dụng: Polymer A110.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Tuân thủ quy trình vận hành và các yêu cầu kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ tiến hành kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời tránh xảy ra sự cố.

- Bố trí các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đối với hệ thống xử lý nước thải theo Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Trường hợp xảy ra sự cố tại hệ thống xử lý nước thải, không được phép xả nước thải sinh hoạt chưa đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật. Có biện pháp lưu chứa tạm thời khi hệ thống gặp sự cố, khi tiến hành khắc phục xong sự cố nước thải tiếp tục được xử lý theo đúng quy trình trước khi thải ra môi trường. Nếu sự cố của hệ thống xử lý nước thải kéo dài, Chủ dự án cam kết có biện pháp thu gom xử lý nước thải và không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường.

- Hệ thống xử lý nước thải chỉ được vận hành trở lại khi đã khắc phục hoàn toàn sự cố, không xả nước thải chưa được xử lý đạt yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải do các công trình xử lý nước thải của Cơ sở đã được đưa vào vận hành chính thức trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành, theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải vượt giới hạn cho phép tại Giấy phép này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục; có trách nhiệm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở;

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Khuyến khích Chủ cơ sở áp dụng sớm hơn lộ trình quy định về việc bắt buộc áp dụng các quy chuẩn môi trường theo QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau hợp nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); hoặc nghiên cứu, đề xuất và thực hiện các giải pháp về công nghệ, thiết bị để cải tiến hệ thống XLNT tập trung của Cơ sở (trong trường hợp cần thiết) nhằm đảm bảo việc xử lý nước thải của Cơ sở trước khi xả ra ngoài môi trường tiếp nhận kể từ ngày 01/01/2032 phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 40:2025/BTNMT và QCVN 14:2025/BTNMT.

3.5. Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải an toàn và đạt quy chuẩn về chất lượng nước thải của Cơ sở.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI:

Cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp từ nguồn thải cố định thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường; do đó, Giấy phép này không cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh không thường xuyên từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra, vào Cơ sở. Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ và khu vực làm việc; quy định tốc độ phương tiện ra, vào Cơ sở từ 10 - 15 km/giờ; bố trí khu vực để xe gần cổng ra, vào Cơ sở.

- Vận hành hệ thống chặm Clo theo quy trình kỹ thuật, bảo đảm hệ thống, đường ống, van, thiết bị định lượng và các mối nối luôn kín; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng để phòng ngừa rò rỉ khí Clo.

- Duy trì bể chứa nước vôi dung tích 3 m³ tại khu vực trạm Clo và trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, thiết bị cảnh báo, phòng cháy, chữa cháy và phương tiện ứng phó sự cố theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải trong suốt quá trình hoạt động; bảo đảm không làm phát tán bụi, khí thải và mùi gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Trường hợp phát sinh nguồn khí thải thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường hoặc có thay đổi nội dung so với Giấy phép này, Chủ cơ sở phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép môi trường để được xem xét, giải quyết theo quy định./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày tháng năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Trạm bơm cấp II.
- Nguồn số 02: Máy bơm, động cơ điện tại khu vực bể xử lý nước.
- Nguồn số 03: Máy thổi khí tại trạm cấp khí rửa lọc.
- Nguồn số 04: Máy bơm giếng.
- Nguồn số 05: Máy ép bùn.

2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của Cơ sở phải bảo đảm không vượt quá giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)		
1	70	65	60	Không quy định	Khu vực E

2.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (06:00 đến trước 22:00)	Đêm (22:00 đến trước 06:00)		
1	75	70	Không quy định	Khu vực D

B. CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trạm bơm cấp II được bố trí trong nhà, có kết cấu bao che, cửa được đóng kín trong quá trình vận hành để hạn chế phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Lắp đặt đệm chống rung, chống ồn tại chân máy bơm, động cơ điện và máy thổi khí; bảo đảm máy móc, thiết bị được lắp đặt cân bằng, chắc chắn.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng, tra dầu mỡ, thay thế các chi tiết bị mài mòn nhằm bảo đảm thiết bị vận hành ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Bố trí cây xanh trong khuôn viên Cơ sở để góp phần hạn chế lan truyền tiếng ồn và tạo cảnh quan môi trường.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, nút bịt tai hoặc thiết bị bảo vệ thính giác cho người lao động làm việc tại khu vực có tiếng ồn cao; bố trí thời gian làm việc phù hợp và thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở phải bảo đảm đáp ứng giá trị giới hạn quy định tại Phần A Phụ lục này và không gây ảnh hưởng xấu đến khu vực xung quanh.

- Vận hành, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị đúng quy trình kỹ thuật; kịp thời sửa chữa, thay thế thiết bị khi phát hiện tiếng ồn, độ rung bất thường.

- Trường hợp có phản ánh, khiếu nại hoặc có dấu hiệu tiếng ồn, độ rung vượt giới hạn cho phép, Chủ cơ sở phải tổ chức kiểm tra, đo đạc, đánh giá và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục theo quy định.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi để tiếng ồn, độ rung vượt giá trị giới hạn cho phép hoặc gây ảnh hưởng đến môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh./.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:*

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ	Rắn	18 02 01	40
2	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	5
3	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	2
Tổng cộng				47

1.2. *Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:*

- Lượng bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất khoảng là 2.018 m³/năm.
- Lượng bùn định kỳ 1 lần/năm nạo vét hệ thống thoát nước của cơ sở là khoảng 2,43 m³. Cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển lượng bùn trên.

1.3. *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:*

- Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 27,7 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:*

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:*

- Chất thải nguy hại phát sinh tại Cơ sở được phân loại lưu chứa riêng trong các thùng có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã CTNH và biển cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TTBNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Cơ sở bố trí các thùng chứa dung tích 120 lít có nắp đậy tương ứng với mã CTNH phát sinh đặt tại kho lưu giữ chất thải nguy hại, mỗi thùng chứa có dán tên, mã CTNH, biển cảnh báo theo đúng quy định.

2.1.2. *Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:*

- Bố trí 01 kho chứa CTNH có diện tích khoảng 4 m² tại góc Đông Bắc của cơ sở để thu gom và lưu chứa CTNH của Cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền cao, quây tôn, được lát xi măng và cát chống thấm. Có gờ cao để ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, được gắn các biển báo nguy hiểm trong và ngoài cửa kho; bố trí các bình cứu hỏa, phương tiện phòng ngừa ứng phó sự cố (thùng cát, xẻng xúc cát, phương tiện bảo hộ lao động cá nhân...).

2.1.3. Biện pháp quản lý: Chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với chất thải từ hoạt động xử lý nước thải sản xuất phát sinh: Toàn bộ lượng bùn phát sinh được đưa vào bể chứa bùn ngầm (20m³), sau đó được bơm lên bể chứa bùn nổi (8m³), cuối cùng dùng máy ép bùn công suất 0,5m³/giờ ép bùn khô. Hàng ngày, máy ép bùn sẽ ép 06 mẻ, mỗi mẻ ép được khoảng 0,9-1m³ bùn. Bùn khô sau ép được lưu chứa tạm thời bằng thùng thép 6m³. Thuê đơn vị có chức năng tiến hành thu gom định kỳ 1 lần/ngày đưa đi xử lý theo quy định, không lưu chứa tại cơ sở.

- Bùn từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải: Chủ Cơ sở thuê đơn vị có chức năng hút định kỳ và vận chuyển đi xử lý theo quy định, không lưu chứa tại Cơ sở.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất được lưu chứa trong hệ thống bể chứa bùn của hệ thống xử lý.

2.2.3. Biện pháp quản lý:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất, thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/ngày.

+ Với bùn thải từ nạo vét hệ thống thoát nước của cơ sở, thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định, tần suất 1 lần/năm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại và lưu chứa tại 06 thùng dung tích 15 lít tại khu vực văn phòng, hành lang.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Không bố trí kho chứa.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ nghiêm túc việc phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

- Khu lưu giữ CTNH đáp ứng các quy định tại Điều 36 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của Cơ sở; bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư, thiết bị và phương tiện ứng phó sự cố.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải phải thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-SNNMT ngày / /2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của Cơ sở.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.
4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.
5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).
8. Thực hiện đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.
9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.